

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HC-PT
Ngày 25 - 8 - 2017
Về khiếu kiện hành vi hành chính
về lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Liêm

Các Thẩm phán: Ông Đinh Văn Long

Bà Cao Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2017/TLPT-HC ngày 25 tháng 5 năm 2017 về khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. (Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2014/HCPT ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị hủy toàn bộ theo Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HC-GĐT ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Huỳnh Phong V, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ 3, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Số 09 đường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thế H, Phó

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Đình H, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện - ông Huỳnh Phong V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện ông Huỳnh Phong V tại phiên tòa như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.584,9m² (theo đo mới hệ tọa độ VN2000 năm 2005) là của ông Huỳnh Vạn A (cha ông V) sử dụng từ trước năm 1975 và được cấp Giấy chứng thư kiến điền với diện tích HA00.44.60 tương đương 4.400m².

Thực hiện kê khai theo Quyết định 201/QĐ-HĐBT ngày 01/7/1980 của Hội đồng Bộ trưởng, ông A đăng ký tại thửa T176, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.071m², loại đất thổ cư. Tuy nhiên, theo hồ sơ địa chính thì một phần đất trồng gần 40 cây dừa của ông A được tách thành thửa T177 do ông Nguyễn H đăng ký nhưng thực tế ông A vẫn đang quản lý, sử dụng.

Thực hiện kê khai theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ, ông A đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) với diện tích 2.795m², thuộc thửa T69, tờ bản đồ số 16, loại đất thổ cư.

Thửa đất trồng dừa của gia đình ông trở thành thửa T68, tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân (UBND) xã C (cũ) quản lý nhưng trên thực tế gia đình ông vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất từ trước năm 1975 đến nay.

Theo hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN.2000 (năm 2005) thì thửa đất của gia đình ông đang sử dụng có diện tích thực tế là 3.584,9m², loại đất thổ cư, thuộc thửa số T114, tờ bản đồ số 37. Căn cứ trên số liệu đo mới, ông V cho rằng diện tích đất thổ cư của gia đình ông chưa được cấp GCNQSDĐ là 877,9m². Do đó, ông V nộp hồ sơ yêu cầu UBND thành phố H chỉnh lý biến động và cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất thổ cư đối với diện tích đất 877,9m², thuộc thửa số 144, tờ bản đồ số 37 (đo mới theo hệ tọa độ VN.2000).

Sau khi nhận hồ sơ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H và UBND phường C đã kiểm tra đo đạc theo thực tế và làm việc với ông V về phần diện tích đất của ông V xin cấp GNQSDĐ phải trừ diện tích con đường đi rộng 3m. Tuy nhiên, ông V không đồng ý và yêu cầu UBND thành phố H cấp luôn phần diện tích con đường cho ông sử dụng.

Ngày 19/3/2013 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H có Văn bản số 47/PC-VPĐKQSDĐ chuyển trả hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông V.

Nhận thấy việc UBND thành phố H không cấp GCNQSDĐ là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông, do đó ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông với diện tích 887,9m², loại đất thổ cư, thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 37.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V xin thay đổi về diện tích theo thẩm định của Tòa án và yêu cầu buộc UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông với diện tích 812m², loại đất thổ cư, thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 37, tại tổ 3, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/8/2017, ông V xin thay đổi về diện tích khu đất theo hiện trạng theo kết quả thẩm định ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông với diện tích 779,9m², loại đất thổ cư, thuộc thửa đất số 144/1, tờ bản đồ số 37, tại tổ 3, khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ông Huỳnh Phong V thay đổi đơn khởi kiện đồng ý dịch chuyển con đường đi ra hướng bờ sông với chiều rộng 2m và đề nghị UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại (sau khi đã trừ phần diện tích con đường đi rộng 2m).

Theo Văn bản số 2383/UBND ngày 27/6/2017 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H tại phiên tòa:

Đối với phần diện tích đất 812m² (tại phiên tòa phúc thẩm xin thay đổi diện tích là 779,9m²) ông V yêu cầu cấp GCNQSDĐ bao gồm diện tích của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 16 (Nghị định 64/CP) và diện tích đất là con đường đi. Về phần diện tích thửa đất số 68, tờ bản đồ số 16 của hộ ông Huỳnh Phong V là đủ điều kiện được UBND thành phố H xem xét cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật đất đai nếu ông V có yêu cầu. Về phần diện tích đất là con đường đi là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Bởi vì theo Quyết định 201/CP, Nghị định 64/CP đều thể hiện là con đường công cộng và hiện nay con đường đang được người dân đi lại. Ông V cũng thừa nhận có con đường này.

Theo Biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư do UBND phường C lập ngày 04/9/2013 thì các hộ dân đều khẳng định con đường công cộng đã hình thành từ trước ngày giải phóng (năm 1975) nhằm giải quyết việc đi lại của nhân dân ra bến để neo đậu tàu thuyền và con đường này cũng là tuyến giao thông đi lại của nhân dân trong khu vực xóm sông. Do đó, UBND thành phố H không cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 779,9m² (bao gồm cả phần diện tích con đường đi là đúng quy định pháp luật).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/8/2017, UBND thành phố H không thống nhất về việc ông Huỳnh Phong V đề nghị dịch chuyển con đường đi ra hướng bờ sông với chiều rộng 2m, lý do: Ngày 09/8/2017 UBND phường C đã tiến hành làm việc với các hộ dân sinh sống lâu năm xung quanh vị trí đất ông Huỳnh Phong V, các hộ dân đều không thống nhất với đề nghị của ông V vì con đường đất và Miếu xóm tại vị trí này đã hình thành từ trước năm 1975 và việc dịch chuyển con đường ra sát bờ sông gây khó khăn cho việc đi lại của các hộ

dân trong mùa mưa bão, tạo rủi ro tai nạn sông nước cho các cháu nhỏ và trong trường hợp mưa bão thì có khả năng mất hoàn toàn con đường này.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của TAND thành phố H đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 52 Luật đất đai (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 1 Điều 12 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ: *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V, tuyên bố Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam không thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Phong V đối với toàn bộ diện tích 812m², loại đất thổ cư, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 37 (hồ sơ địa chính đo mới theo hệ tọa độ VN.2000) theo yêu cầu của ông Huỳnh Phong V là đúng quy định của pháp luật.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04/10/2013, người khởi kiện ông Huỳnh Phong V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2014/HCPT ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 163 Luật tổ tụng hành chính: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V, buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện hành vi hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Phong V đối với diện tích 812m², loại đất thổ cư, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 37 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ bản vẽ ngày 28/8/2013 kèm theo).*

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2017/HC-GĐT ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ khoản 3 Điều 272, Điều 274 Luật tổ tụng hành chính: *Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2014/HCPT ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về “Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”, giữa người khởi kiện là ông Huỳnh Phong V và người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Giao hồ sơ vụ án hành chính cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày quan điểm: Việc khởi kiện của ông Huỳnh Phong V là không có cơ sở. Ủy ban nhân dân thành phố H không thực hiện hành vi hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Phong V đối với diện tích 779,9m², loại đất thổ cư, thửa đất số 144/1, tờ bản đồ số 37 là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tổ tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực

hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính đề nghị HĐXX tuyên: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V, buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện hành vi hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Phong V (sau khi trừ diện tích đường đi nhưng không quá 145,1m²) tại thửa đất số 144/1, tờ bản đồ số 37 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố H đưa Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy việc đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Huỳnh Phong V không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện, ông V xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện yêu cầu HĐXX buộc Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với phần diện tích đất 779,9m². Ông Huỳnh Phong V thay đổi đơn khởi kiện đồng ý dịch chuyển con đường đi ra hướng bờ sông với chiều rộng 2m và đề nghị UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại (sau khi đã trừ phần diện tích con đường đi rộng 2m).

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất 779,9m², thuộc thửa đất số 144/1, tờ bản đồ số 37 mà ông Huỳnh Phong V khởi kiện yêu cầu UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc như sau:

Theo Hồ sơ đăng ký theo Quyết định số 201/QĐ-HĐTT ngày 01/7/1980 của Hội đồng bộ trưởng, thể hiện tại 02 thửa đất và diện tích đường đi: Ông Huỳnh Vạn A (cha ông V) đăng ký tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.071 m², loại đất T; ông Nguyễn H đăng ký tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6, diện tích 164 m², loại đất T, một phần diện tích còn lại là đường đi công cộng;

Theo Hồ sơ đăng ký đất đai theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ, thể hiện hai thửa đất và diện tích đường đi: Ông Huỳnh Vạn A đăng

ký thửa số 69, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.795m²; thửa số 68, diện tích 366m², loại đất cây lâu năm do UBND xã C đăng ký; một phần diện tích đất là con đường đi công cộng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng:

Trong phần diện tích đất 779,9m² ông V đề nghị cấp GCNQSDĐ có con đường đi của cộng đồng dân cư tại khu vực này sử dụng từ trước năm 1975. Tại Hồ sơ đất đai đăng ký theo Quyết định số 201/QĐ-HĐTT và Nghị định số 64/CP đều thể hiện có tồn tại một con đường đi công cộng. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (kèm theo Bản vẽ sơ đồ tổng thể khu đất ông Huỳnh Phong V) thể hiện: Tổng diện tích theo hiện trạng là 779,9m², trong đó diện tích phần con đường mòn là 145,1m². Do đó, việc UBND thành phố H không cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất 779,9m² bao gồm cả phần diện tích con đường đi công cộng là có căn cứ, nhưng UBND thành phố H phải thực hiện hành vi hành chính cấp GCNQSDĐ cho ông V đối với phần diện tích còn lại sau khi trừ diện tích con đường đi công cộng mới đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền lợi cho ông V.

Tòa án cấp sơ thẩm đã “Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V” là chưa phù hợp, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải trừ phần diện tích con đường đi công cộng và buộc UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại cho ông V (sau khi trừ phần diện tích con đường đi công cộng) mới đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Do đó, Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H là chưa đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Phong V. Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa Bản án sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H theo hướng buộc UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Phong V đối với phần diện tích đất còn lại (phần diện tích đất theo hiện trạng 779,9m² trừ đi phần diện tích con đường đi công cộng là 145,1m²), thuộc thửa đất số 144/1, tờ bản đồ số 37 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. UBND thành phố H căn cứ trên sơ đồ tổng thể khu đất của ông Huỳnh Phong V (sơ đồ kèm theo Bản án) để cấp GCNQSDĐ cho ông V sau khi trừ phần diện tích con đường đi cho phù hợp với thực tế, vừa đảm bảo được quyền lợi cho gia đình ông V, vừa không cản trở con đường đi của người dân tại địa phương.

[3] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông V không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông V số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010587 ngày 21/5/2013. Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của người khởi kiện được

chấp nhận nên ông V không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông V số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010701 ngày 08/10/2013.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 153/TB-CCTHADS ngày 19/6/2017 thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H đã tổ chức thi hành án xong đối với các khoản:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố H phải nộp 200.000 đồng.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010587 ngày 21/5/2013 và án phí hành chính phúc thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010701 ngày 08/10/2013 cho ông Huỳnh Phong V.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố H không phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Ông Huỳnh Phong V đã nhận lại đủ số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2013/HCST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V, buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện hành vi hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 144/1, tờ bản đồ số 37 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho ông Huỳnh Phong V theo quy định pháp luật (sau khi trừ phần diện tích con đường đi phù hợp thực tế nhưng không quá 145,1m²).

Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010587 ngày 21/5/2013 cho ông Huỳnh Phong V.

Về án phí hành chính phúc thẩm:

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010701 ngày 08/10/2013 cho ông Huỳnh Phong V.

Theo Thông báo số 153/TB-CCTHADS ngày 19/6/2017 thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H đã tổ chức thi hành án xong đối với khoản: Án phí hành chính sơ thẩm và việc hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. Do đó, ông Huỳnh Phong V đã nhận lại đủ số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm đã nộp và UBND thành phố H đã thi hành xong phần án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/8/2017).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Liêm